

Hoàn thiện quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người dùng chất kích thích gây ra

08/06/2026

NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG

Công ty Luật TNHH H&M – Benjamin Law Firm

Tóm tắt: Tình trạng lạm dụng các chất kích thích hiện nay ở Việt Nam ngày càng gia tăng đã trở thành vấn đề nhức nhối trong xã hội. Người sử dụng chất kích thích có thể dẫn đến hành vi xâm phạm tài sản, tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể khác, từ đó gây ra những thiệt hại cả về vật chất và tinh thần. Chính vì vậy, việc làm rõ những điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người dùng chất kích thích gây ra là cần thiết để tạo cơ sở cho việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể khi bị xâm phạm trong xã hội. Bài viết tập trung phân tích những vấn đề cơ bản liên quan đến điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người dùng chất kích thích gây ra, từ đó xác định những hạn chế và đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

Từ khóa: Điều kiện phát sinh; chất kích thích; thiệt hại; trách nhiệm bồi thường.

Abstract: The increasing abuse of stimulants in Vietnam has become a pressing social issue. Stimulant users may engage in acts that infringe upon the property, life, health, honor, dignity, reputation, and legitimate rights and interests of others, causing both material and moral damage. Therefore, clarifying the conditions for incurring liability for damages caused by stimulant users is essential to protect the legal rights of infringed parties. The article focuses on analyzing basic issues regarding these conditions, identifying limitations, and proposing recommendations to improve the law.

Keywords: Conditions for liability; stimulants; damages; liability for compensation.

1. Dẫn nhập

Thông thường, trách nhiệm bồi thường thiệt hại (TNBTTH) ngoài hợp đồng sẽ phát sinh khi có đủ các điều kiện sau: (i) Có thiệt hại thực tế xảy ra; (ii) Có hành vi gây thiệt hại trái pháp luật; (iii) Có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại thực tế xảy ra và hành vi gây thiệt hại trái pháp luật; (iv) Có lỗi của người gây thiệt hại hoặc người khác. Là một trường hợp cụ thể của TNBTTH ngoài hợp đồng, TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra cũng phát sinh khi có đủ các điều kiện làm phát sinh TNBTTH ngoài hợp đồng, nhưng đồng thời ở mỗi điều kiện sẽ có những đặc điểm riêng khác biệt so với các loại TNBTTH ngoài hợp đồng

khác. Từ đó, các điều kiện làm phát sinh TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra bao gồm: (i) Có thiệt hại thực tế xảy ra; (ii) Có hành vi gây thiệt hại trái pháp luật của người dùng chất kích thích; (iii) Có mối liên hệ nhân quả giữa hành vi gây thiệt hại trái pháp luật của người dùng chất kích thích với thiệt hại thực tế xảy ra; (iv) Có lỗi của người dùng chất kích thích hoặc người khác.

2. Quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người dùng chất kích thích gây ra

2.1. Có thiệt hại thực tế xảy ra

Theo pháp luật dân sự Việt Nam, điều kiện đầu tiên làm phát sinh TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra phải là có thiệt hại thực tế, bởi điều luật quy định về “*Căn cứ phát sinh TNBTTH*” và “*TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra*” trong Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015 hay các BLDS trước đây đều có chứa cụm từ “*mà gây thiệt hại*”. Đồng thời, mục đích lớn nhất của việc áp dụng TNBTTH ngoài hợp đồng đối với người có hành vi xâm phạm là để nhằm khôi phục tình trạng tài sản cho người bị thiệt hại, nên thiệt hại phải là điều kiện tiên quyết^[1]. Theo Từ điển Tiếng Việt, “*thiệt hại*” là “*bị mất mát về người, về của cải vật chất hoặc tinh thần*”^[2]. Có quan điểm cho rằng, “*thiệt hại là sự biến thiên theo chiều xấu đi của tài sản và các giá trị nhân thân được bảo vệ*”^[3] hay “*là sự mất mát mà một chủ thể của quan hệ pháp luật phải gánh chịu*”^[4]. Tuy nhiên nhìn chung, “*thiệt hại*” được hiểu là sự giảm bớt những lợi ích vật chất và phi vật chất của một chủ thể xác định được trên thực tế bằng một khoản tiền cụ thể^[5]. Việc xem xét đáp ứng điều kiện có thiệt hại thực tế xảy ra hay không cũng chính là xác định xem có tồn tại những tổn thất mà pháp luật quy định là thiệt hại hay không. Nếu tồn tại thiệt hại nhưng thiệt hại phát sinh từ việc tác động đến những lợi ích “*không hợp pháp*” thì trách nhiệm bồi thường không phát sinh^[6].

Tuy nhiên, quy định về thiệt hại tại BLDS năm 2015 không còn giống với các BLDS trước đây. Cụ thể, khoản 1 Điều 585 BLDS năm 2015 đã có sự bổ sung phù hợp khi thay cụm từ “*thiệt hại*” (tại khoản 1 Điều 605 BLDS năm 2005 và khoản 1 Điều 610 BLDS năm 1995) bằng cụm từ “*thiệt hại thực tế*”^[7]. Theo đó, Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLDS năm 2015 về TNBTTH ngoài hợp đồng (Nghị quyết số 02) đã giải thích tại điểm a khoản 1 Điều 3 như sau: “*Thiệt hại thực tế là thiệt hại đã xảy ra theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này, được tính thành tiền tại thời điểm giải quyết bồi thường*”. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Nghị quyết số 02 thì thiệt hại thực tế sẽ bao gồm thiệt hại về vật chất và thiệt hại về tinh thần. Đây phải là những thiệt hại có thật tại thời điểm giải quyết bồi thường và được tính thành tiền, mà không thể là những thiệt hại mà người bị thiệt hại giả định hay dự kiến trong tương lai. Đồng thời, trong tranh chấp, nếu sau thời điểm giải quyết việc bồi thường lần đầu mà thiệt hại vẫn phát sinh thì những thiệt hại này sẽ được xác định tại thời điểm giải quyết bồi thường lần tiếp theo khi có yêu cầu của người bị thiệt hại.

Đối với thiệt hại về vật chất, trước đây, tại điểm a tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần I Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLDS năm 2005 về bồi thường thiệt hại (BTTH) ngoài hợp đồng thì thiệt hại về vật chất bao gồm: “*Thiệt*

hại do tài sản bị xâm phạm quy định tại Điều 608 BLDS; thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm quy định tại khoản 1 Điều 609 BLDS; thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm quy định tại khoản 1 Điều 610 BLDS; thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm quy định tại khoản 1 Điều 611 BLDS". Tuy nhiên, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 02 đã sửa đổi quy định trên theo hướng thay vì chỉ liệt kê cụ thể thì còn khái quát lại như sau: *"thiệt hại vật chất là tổn thất vật chất thực tế xác định được của chủ thể bị xâm phạm, bao gồm tổn thất về tài sản mà không khắc phục được; chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục thiệt hại; thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút do tài sản, sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền và lợi ích hợp pháp khác bị xâm phạm"*. Trên thực tế, thiệt hại vật chất do hành vi dùng chất kích thích gây ra là vô cùng đa dạng vì bất kỳ đối tượng nào được pháp luật bảo vệ cũng có thể bị xâm phạm bởi hành vi này. Do đó, việc quy định một cách bao quát các thiệt hại vật chất như trên là hoàn toàn hợp lý cũng như giúp cho chủ thể bị xâm phạm dễ dàng xác định và chứng minh thiệt hại.

Đối với thiệt hại về tinh thần, trước đây, khi chưa có sự ra đời của BLDS, Thông tư số 173-TANDTC ngày 23/3/1972 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn xét xử về BTTH đã không đề cập đến thiệt hại do tổn thất về tinh thần, mà chỉ xác định thiệt hại về vật chất. Đây được cho là một hạn chế lớn của Thông tư, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị xâm phạm khi không xác định thiệt hại bao gồm cả tổn thất về tinh thần. Nhằm khắc phục hạn chế trên, các BLDS Việt Nam sau này ra đời đã xác định thiệt hại trong TNBTTH ngoài hợp đồng, bao gồm cả TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra sẽ có những thiệt hại do tổn thất về tinh thần. Tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 02 quy định: *"Thiệt hại về tinh thần là tổn thất tinh thần do bị xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền và lợi ích nhân thân khác mà chủ thể bị xâm phạm hoặc người thân thích của họ phải chịu và cần phải được bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất đó"*. Theo đó, thiệt hại về tinh thần có thể hiểu là thiệt hại gây ra đối với tâm trạng của con người, thể hiện bằng việc con người phải chịu những lo lắng, đau đớn về tinh thần^[8]. Nhìn chung, loại trách nhiệm bồi thường này chỉ xuất hiện khi thiệt hại xảy ra đối với các giá trị nhân thân hay gắn liền với nhân thân của người bị thiệt hại, đặc biệt, không thể có tổn thất về tinh thần trong những trường hợp có thiệt hại về tài sản trong cách nhìn nhận hiện nay của nhà làm luật Việt Nam^[9]. Theo đó, điều kiện có thiệt hại thực tế xảy ra, cụ thể là thiệt hại do tổn thất về tinh thần được coi là đáp ứng khi tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền và lợi ích nhân thân khác của chủ thể bị xâm phạm mà chủ thể này hoặc người thân thích gần gũi nhất của họ phải chịu đau thương, buồn phiền, mất mát về tình cảm, bị giảm sút hay mất uy tín, bị bạn bè xa lánh do bị hiểu nhầm...

Nếu thiệt hại về vật chất có thể xác định một cách tương đối cụ thể, rõ ràng thì thiệt hại do tổn thất về tinh thần lại không thể xác định một cách chính xác do sự trừu tượng và khó định lượng của loại thiệt hại này. Đời sống tinh thần là phạm trù rất rộng, bao gồm nhiều vấn đề và chỉ tồn tại đối với xã hội loài người như đau thương, cảnh góa bụa, mồ côi, sự xấu hổ... và về nguyên tắc, không thể xác định được bằng tiền một cách ngang giá như trong trao đổi cũng như không thể phục

hồi được. Nhưng với mục đích an ủi, động viên đối với người bị thiệt hại về tinh thần cũng như một biện pháp giáo dục nhằm ngăn chặn người có hành vi trái pháp luật, BLDS quy định người xâm hại phải: “*bồi thường một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần*” cho người bị thiệt hại, người thân thích gần gũi của người đó phải gánh chịu^[10]. Theo đó, thiệt hại do tổn thất về tinh thần được xác định phụ thuộc vào đặc điểm của người bị thiệt hại như giới tính, độ tuổi, vị trí xã hội... cũng như căn cứ vào hoàn cảnh, điều kiện, tình trạng của nạn nhân. Chẳng hạn, theo pháp luật Hoa Kỳ, những yếu tố có thể được xem xét khi đánh giá việc bồi thường tổn thất về tinh thần như: Căn cứ vào các đánh giá y khoa của bác sĩ hoặc nhà tâm lý học; mức độ nghiêm trọng của tổn thất về tinh thần; thời gian chịu đựng tổn thất về tinh thần...^[11]. Do đó, nếu các bên không có thỏa thuận, tùy từng trường hợp mà cơ quan có thẩm quyền sẽ xác định mức BTTH do tổn thất về tinh thần khác nhau. Tuy nhiên, pháp luật vẫn có quy định về việc giới hạn mức BTTH về tinh thần tối đa trong từng trường hợp.

2.2. Có hành vi gây thiệt hại trái pháp luật của người dùng chất kích thích

Khoản 1 Điều 584 BLDS năm 2015 chỉ liệt kê các hành vi xâm phạm mà không nêu rõ yếu tố trái pháp luật. Tuy nhiên, hành vi trái pháp luật là căn cứ để làm phát sinh TNBTTH đã được gián tiếp ghi nhận tại khoản 5 Điều 275 BLDS năm 2015 khi quy định: “*Nghĩa vụ phát sinh từ căn cứ sau đây: ...5. Gây thiệt hại do hành vi trái pháp luật...*”. Do đó, hành vi gây thiệt hại trong TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra cũng đương nhiên phải là hành vi trái pháp luật, hay chính là những hành vi xâm phạm đến các đối tượng được pháp luật bảo vệ như đã phân tích ở trên.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 596 BLDS năm 2015 thì không phải hành vi trái pháp luật của chủ thể nào cũng được coi là điều kiện làm phát sinh TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra, mà phải là hành vi trái pháp luật của người dùng chất kích thích dẫn đến lâm vào tình trạng mất khả năng nhận thức và làm chủ hành vi. Theo sự xác nhận của y học, người trong tình trạng say do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác thường bị rối loạn tâm thần, có thể bị hạn chế hoặc bị loại trừ khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi^[12]. Cụ thể, đối với trường hợp ở khoản 1 Điều 596 BLDS năm 2015 thì người dùng chất kích thích là người đưa rượu hoặc chất kích thích khác vào cơ thể của chính mình và tự đặt mình vào trạng thái mất khả năng nhận thức, làm chủ hành vi. Còn đối với trường hợp ở khoản 2 Điều 596 BLDS năm 2015 thì người dùng chất kích thích là người bị người khác đưa rượu hoặc chất kích thích khác vào cơ thể làm cho họ bị mất khả năng nhận thức, làm chủ hành vi. Dù ở trường hợp nào thì luôn tồn tại cá nhân gây thiệt hại là người mà chất kích thích được đưa vào cơ thể. Đồng thời, nếu một người trong cơ thể có tồn tại rượu hoặc chất kích thích khác nhưng chưa đến mức mất khả năng nhận thức và làm chủ hành vi mà gây thiệt hại thì không đáp ứng đủ điều kiện làm phát sinh TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra. Bởi hành vi gây thiệt hại không bắt nguồn từ việc dùng chất kích thích, nếu không có chất kích thích trong cơ thể thì thiệt hại vẫn xảy ra và chủ thể gây thiệt hại có thể sẽ phải chịu các TNBTTH khác. Như vậy, nếu coi hành vi gây thiệt hại trái pháp luật là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến thiệt hại, thì việc chất kích thích được đưa vào cơ thể cá nhân chính là nguyên nhân gián tiếp dẫn đến thiệt hại.

So sánh pháp luật dân sự Đức, mặc dù không có một quy định riêng như pháp luật dân sự Việt Nam, nhưng TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra cũng gián tiếp được quy định tại Điều 827 BLDS Đức về “*Loại trừ và giảm nhẹ trách nhiệm*” như sau: “*Một người, trong tình trạng bất tỉnh hoặc rối loạn tâm thần bệnh lý ngăn cản việc thực hiện ý chí tự do, gây thiệt hại cho người khác thì không phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đó. Nếu họ tạm thời gây ra tình trạng này bằng cách uống đồ uống có cồn hoặc các biện pháp tương tự, thì họ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại mà họ gây ra một cách bất hợp pháp trong tình trạng này như thể họ là người có lỗi do sơ suất; trách nhiệm này không phát sinh nếu họ đến tình trạng này mà không có lỗi*”. Theo đó, BLDS Đức cũng quy định một trong các hành vi làm phát sinh TNBTTH tương tự như BLDS Việt Nam là hành vi “*uống đồ uống có cồn hoặc các biện pháp tương tự*” làm tạm thời dẫn đến “*tình trạng bất tỉnh hoặc rối loạn tâm thần ngăn cản việc thực hiện ý chí tự do*”.

Pháp luật điều chỉnh những hành vi đã được bộc lộ ra bên ngoài thể giới khách quan chứ không điều chỉnh các hành vi còn trong ý tưởng, suy nghĩ của chủ thể. Do vậy, hành vi trái pháp luật chỉ có thể là những hành vi được biểu hiện ra bên ngoài bằng những biểu hiện nhất định^[13]. Hành vi gây thiệt hại trái pháp luật của người dùng chất kích thích có thể được thực hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động. Đối với hành vi gây thiệt hại được thực hiện dưới dạng hành động thì thường dễ dàng nhận biết hơn, chẳng hạn như sử dụng chất ma túy dẫn đến ảo giác rồi đập phá tài sản, uống rượu say rồi có lời nói xúc phạm người khác... Trong trường hợp này, hành động gây thiệt hại có thể tác động trực tiếp vào người bị thiệt hại hoặc tác động gián tiếp thông qua công cụ, phương tiện gây thiệt hại^[14]. Đối với hành vi gây thiệt hại được thực hiện dưới dạng không hành động, về phương diện pháp lý, sự không hành động, việc không làm, thái độ bất động đặt trong một quan hệ pháp luật cụ thể cũng được xem như là hành vi pháp lý (bất tác vi)^[15]. Chẳng hạn như A và B là chủ sở hữu của hai căn hộ liền kề nhau trong tòa nhà chung cư. Vào một ngày thời tiết nắng nóng gay gắt, việc sử dụng điện quá tải đã dẫn đến tình trạng chập cháy điện và gây ra hỏa hoạn trong căn hộ của A. Tuy nhiên, tại thời điểm xảy ra sự việc, do trước đó A đã sử dụng chất kích thích dẫn đến mất khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nên mặc dù nhìn thấy đám cháy nhưng A đã không có hành vi xử lý đám cháy kịp thời, làm cho đám cháy nhỏ sau một thời gian đã lan rộng sang cả căn hộ của B, gây thiệt hại về tài sản trong căn hộ. Như vậy, A đã gây thiệt hại về tài sản cho B do dùng chất kích thích dưới dạng không hành động. Việc xác định hành vi gây thiệt hại trái pháp luật được thực hiện dưới dạng hành động không khó, vì nó trực tiếp tác động đến đối tượng bị thiệt hại, nhưng đối với hành vi gây thiệt hại trái pháp luật thực hiện dưới dạng không hành động thì cần phải xác định mối quan hệ giữa thiệt hại với hành vi của người gây thiệt hại và trách nhiệm, nghĩa vụ của họ đối với thiệt hại xảy ra^[16]. Đồng thời, không hành động trên thực tế sẽ khó xác định hơn vì không thể hiện rõ ràng dưới hành động cụ thể, khó xác định chủ thể vi phạm pháp luật do không thực hiện hành động mà pháp luật quy định^[17].

Để nhận biết được hành vi gây thiệt hại trái pháp luật của người dùng chất kích thích thì còn cần phải xác định thế nào là chất kích thích theo pháp luật Việt Nam. Thực tế các văn bản pháp luật Việt Nam hiện nay chưa đưa ra bất kỳ khái niệm

nào về “*chất kích thích*”, tuy nhiên một số chất kích thích được ghi nhận cụ thể như sau:

Thứ nhất là chất ma túy. Theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2021, “*chất ma túy là chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong danh mục chất ma túy do Chính phủ ban hành*”[18], trong đó, “*chất gây nghiện là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng gây nghiện đối với người sử dụng*”[19], còn “*chất hướng thần là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện đối với người sử dụng*”[20]. Danh mục chất ma túy và tiền chất được quy định tại Nghị định số 57/2022/NĐ-CP của Chính phủ, theo đó, chất ma túy chia thành ba nhóm cơ bản.

Thứ hai là cồn thực phẩm có trong rượu, bia. Khái niệm về rượu, bia được pháp luật Việt Nam ghi nhận tại Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 như sau: “*rượu là đồ uống có cồn thực phẩm, được sản xuất từ quá trình lên men từ một hoặc hỗn hợp của các loại nguyên liệu chủ yếu gồm tinh bột của ngũ cốc, dịch đường của cây, hoa, củ, quả hoặc là đồ uống được pha chế từ cồn thực phẩm*”[21], còn “*bia là đồ uống có cồn thực phẩm, được sản xuất từ quá trình lên men từ hỗn hợp của các loại nguyên liệu chủ yếu gồm mạch nha (malt), đại mạch, nấm men bia, hoa bia (hoa houblon), nước*”[22]. Cồn thực phẩm (tên khoa học: “ethanol”) là hợp chất có khả năng gây nghiện[23] nên các loại đồ uống như rượu, bia thực tế đều chứa chất mang đặc điểm cơ bản của chất kích thích như đã nêu. Các nghiên cứu cũng cho thấy rượu, bia có sự tác động nhất định vào giác quan và hệ thần kinh trung ương. Theo Bộ Y tế Việt Nam: “*Rượu là chất độc chung của tế bào, khi hấp thụ vào, có ảnh hưởng chủ yếu đến hệ thần kinh trung ương*”[24].

Thứ ba là chất Nicotine có trong thuốc lá. Tại khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá hiện hành quy định như sau: “*Thuốc lá là sản phẩm được sản xuất từ toàn bộ hoặc một phần nguyên liệu thuốc lá, được chế biến dưới dạng thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lào hoặc các dạng khác*”. Theo các nghiên cứu khoa học, thuốc lá mang đặc điểm cơ bản của chất kích thích, cụ thể: “*Thành phần chủ yếu của thuốc lá hoặc thuốc lào là chất Nicotin, một loại Alcaloid. Nicotin sử dụng ở liều thấp tạo ra sự sáng khoái nhẹ nhàng, làm dịu cơn đói và bớt mệt mỏi, nếu dùng nhiều sẽ gây nghiện và độc hại cho cơ thể. Tác dụng gây nghiện của Nicotine chủ yếu là trên hệ thần kinh trung ương...*”[25].

Ngoài những chất kích thích nêu trên, những chất khác nếu cũng mang các đặc điểm tương tự thì dù chưa được pháp luật Việt Nam quy định cụ thể vẫn bị coi là chất kích thích (chẳng hạn như Caffeine, một số chất có trong các loại thuốc kê đơn...) và khi cá nhân có hành vi trái pháp luật gây thiệt hại do dùng các chất này dẫn đến mất khả năng nhận thức, làm chủ hành vi thì được coi là đáp ứng một trong các điều kiện làm phát sinh TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra.

2.3. Có mối liên hệ nhân quả giữa hành vi gây thiệt hại trái pháp luật của người dùng chất kích thích với thiệt hại thực tế xảy ra

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 02 thì mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi xâm phạm là một trong những căn cứ làm phát sinh TNBTTH ngoài hợp đồng nói chung, theo đó, “*thiệt hại xảy ra phải là kết quả tất yếu của hành vi xâm phạm và ngược lại hành vi xâm phạm là nguyên nhân gây ra thiệt hại*”. Đối chiếu quy định trên với TNBTTH do người dùng chất kích

thích gây ra có thể thấy, trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 596 BLDS năm 2015 thì nguyên nhân là *“do uống rượu hoặc do dùng chất kích thích khác mà lâm vào tình trạng mất khả năng nhận thức và làm chủ hành vi”*, còn trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 596 BLDS năm 2015 thì nguyên nhân là *“một người cố ý dùng rượu hoặc chất kích thích khác làm cho người khác lâm vào tình trạng mất khả năng nhận thức và làm chủ hành vi”*. Tuy nhiên, về mặt bản chất thì nguyên nhân trực tiếp dẫn đến thiệt hại trong cả hai trường hợp đều là do có hành vi gây thiệt hại trái pháp luật của người dùng chất kích thích trong trạng thái mất khả năng nhận thức và làm chủ hành vi, còn thiệt hại thực tế xảy ra chính là kết quả. Theo đó, thiệt hại thực tế xảy ra phải xảy ra sau và là kết quả tất yếu của hành vi gây thiệt hại trái pháp luật do uống rượu hoặc dùng chất kích thích khác dẫn đến mất khả năng nhận thức, làm chủ hành vi. Như vậy, TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra cũng có nguyên nhân trực tiếp là hành vi gây thiệt hại trái pháp luật như các loại TNBTTH ngoài hợp đồng khác. Tuy nhiên, điểm khác biệt là TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra còn có nguyên nhân gián tiếp chính là hành vi uống rượu hoặc dùng chất kích thích khác dẫn đến mất khả năng nhận thức và làm chủ hành vi. Nếu có hành vi gây thiệt hại trái pháp luật nhưng hành vi này xảy ra không phải do cá nhân có chất kích thích trong cơ thể làm ảnh hưởng đến khả năng nhận thức, làm chủ hành vi thì cũng không đủ điều kiện làm phát sinh TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra. Hoặc đối với trường hợp một người cố ý dùng rượu hoặc chất kích thích khác làm cho người khác rơi vào tình trạng mất khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng người này dù có chất kích thích trong cơ thể cũng không có hành vi gây thiệt hại trái pháp luật thì cũng không phát sinh TNBTTH theo Điều 596 BLDS năm 2015.

Việc xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi gây thiệt hại trái pháp luật của người dùng chất kích thích và thiệt hại thực tế xảy ra còn chịu ảnh hưởng bởi nghĩa vụ ngăn chặn thiệt hại quy định tại khoản 5 Điều 585 BLDS năm 2015: *“Bên có quyền, lợi ích bị xâm phạm không được bồi thường nếu thiệt hại xảy ra do không áp dụng các biện pháp cần thiết, hợp lý để ngăn chặn, hạn chế thiệt hại cho chính mình”*. Theo đó, mặc dù có thể tồn tại hành vi gây thiệt hại trái pháp luật của người dùng chất kích thích, song khi hành vi đó được thực hiện, người bị xâm phạm có thể áp dụng ngay các biện pháp cần thiết, hợp lý để ngăn chặn, hạn chế thiệt hại cho chính mình nhưng lại không áp dụng, thì dù có dẫn đến kết quả là thiệt hại thực tế xảy ra, người bị xâm phạm cũng sẽ không được BTTH. Tuy nhiên, khi yêu cầu BTTH, người yêu cầu chỉ cần chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi gây thiệt hại trái pháp luật của người dùng chất kích thích và thiệt hại thực tế xảy ra mà không cần phải chứng minh việc mình có áp dụng các biện pháp ngăn chặn, hạn chế thiệt hại hay không. Việc chứng minh người bị xâm phạm quyền không áp dụng các biện pháp ngăn chặn, hạn chế thiệt hại thuộc về người chịu trách nhiệm bồi thường, song họ cũng chỉ phải thực hiện nghĩa vụ này khi họ muốn giải phóng khỏi một phần hoặc toàn bộ trách nhiệm bồi thường[26].

2.4. Có lỗi của người dùng chất kích thích hoặc của người khác

Hiện nay, BLDS năm 2015 không đưa ra khái niệm lỗi nói chung, mà chỉ quy định lỗi được biểu hiện dưới hai hình thức là lỗi cố ý và lỗi vô ý tại Điều 364. Có thể thấy, các quy định về hình thức lỗi trong BLDS năm 2015 đã được xây dựng dựa

trên ý tưởng của yếu tố lỗi trong cấu thành tội phạm từ định nghĩa lỗi trong khoa học Luật Hình sự[27]. Tuy nhiên, trong trách nhiệm dân sự do gây thiệt hại, mà cụ thể là TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra, việc xác định hình thức lỗi hay mức độ lỗi có ảnh hưởng rất ít đến việc xác định trách nhiệm. Việc phân biệt lỗi cố ý hay lỗi vô ý không có ý nghĩa gì đặc biệt đối với việc xác lập trách nhiệm dân sự, bởi trách nhiệm này nặng hay nhẹ tùy thuộc vào tầm quan trọng của thiệt hại, chứ không tùy thuộc vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của lỗi[28].

Việc BLDS năm 2015 hiện nay đã có sự thay đổi khi không nhắc đến yếu tố lỗi trong quy định tại khoản 1 Điều 584: “*Người nào có hành vi xâm phạm... thì phải bồi thường*” và hướng dẫn chi tiết tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 02 không đồng nghĩa với việc lỗi không còn là một trong những điều kiện làm phát sinh TNBTTH ngoài hợp đồng. Riêng đối với TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra, khoản 2 Điều 596 BLDS năm 2015 cũng đã trực tiếp ghi nhận lỗi là một trong các điều kiện làm phát sinh TNBTTH khi quy định: “*Khi một người cố ý... thì phải bồi thường cho người bị thiệt hại*”.

So sánh với các quốc gia khác trên thế giới, có thể kể đến pháp luật dân sự Nhật Bản cũng coi lỗi là một trong những điều kiện làm phát sinh TNBTTH khi quy định tại Điều 709 BLDS Nhật Bản: “*Người nào cố ý hoặc vô ý xâm phạm quyền của người khác hoặc lợi ích được pháp luật bảo vệ của người khác thì phải BTTH phát sinh do hành vi đó gây ra*” hay pháp luật dân sự Đức quy định tại Điều 823 BLDS Đức như sau: “*Người có lỗi cố ý hoặc vô ý xâm phạm trái pháp luật đến tính mạng, thân thể, sức khỏe, tự do, tài sản hoặc quyền khác của người khác thì có nghĩa vụ BTTH phát sinh cho người kia*”[29]. Đồng thời, tại Điều 827 BLDS Đức như đã trích dẫn thì TNBTTH do người dùng chất kích thích cũng không phát sinh nếu người dùng chất kích thích không có lỗi.

Theo đó, lỗi với vai trò là một trong những điều kiện làm phát sinh TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra được thể hiện qua các trường hợp sau:

Thứ nhất, trường hợp có lỗi của người dùng chất kích thích. Đây là điều kiện làm phát sinh TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra tại khoản 1 Điều 596 BLDS năm 2015. Theo đó, pháp luật buộc chủ thể phải hiểu rõ việc dùng chất kích thích có thể dẫn đến mất khả năng nhận thức và làm chủ hành vi, nên nếu chủ thể tự đặt mình vào tình trạng trên, không phải do sự tác động của bất kỳ chủ thể nào khác, thì khi gây thiệt hại, cá nhân luôn bị xác định là có lỗi và phải chịu TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra nếu đáp ứng các điều kiện còn lại. Trong trường hợp cá nhân hoàn toàn biết đó là chất kích thích và việc sử dụng có thể dẫn đến mất khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng vẫn chủ động lựa chọn đưa chất kích thích này vào cơ thể rồi gây thiệt hại thì được xác định là có lỗi cố ý. Còn trong trường hợp cá nhân không biết đó là chất kích thích mặc dù buộc phải biết rồi tự mình đưa chất kích thích vào cơ thể và gây thiệt hại thì được xác định là có lỗi vô ý. Ngoài ra, cũng cần phải nhấn mạnh rằng, nếu có sự tác động của chủ thể khác nhưng sự tác động này không phải yếu tố quyết định dẫn đến việc lựa chọn đưa chất kích thích vào cơ thể của cá nhân thì cá nhân dùng chất kích thích vẫn phải chịu TNBTTH theo khoản 1 Điều 596 BLDS năm 2015. Chẳng hạn như do A liên tục mời rượu nên vì “nể nang” B đã đồng ý uống dẫn đến say rượu, không đủ tỉnh táo để làm chủ hành vi nhưng vẫn điều khiển xe mô

tô và đâm vào C gây thiệt hại. Trong tình huống này, A có sự tác động nhất định đến việc B uống rượu, tuy nhiên đây không phải là yếu tố quyết định đối với hành vi của B. Hay nói cách khác, việc lựa chọn có uống rượu hay không vẫn hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí B và do đó, B có TNBTTH do dùng chất kích thích gây ra đối với C theo quy định tại khoản 1 Điều 596 BLDS năm 2015.

Thứ hai, trường hợp có lỗi của người khác. Đây là điều kiện làm phát sinh TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra tại khoản 2 Điều 596 BLDS năm 2015. Theo đó, nếu một người cố ý cho người khác dùng rượu hoặc chất kích thích khác, khiến họ rơi vào trạng thái mất khả năng nhận thức và làm chủ hành vi, thì khi người có chất kích thích trong cơ thể gây thiệt hại, người đã tạo ra tình trạng đó sẽ bị coi là có lỗi cố ý và phải chịu trách nhiệm bồi thường. Trong tình huống này, người cố ý làm cho người khác dùng chất kích thích hoàn toàn ý thức rõ đó là chất kích thích và hành vi của mình có thể làm cho người khác lâm vào tình trạng mất khả năng nhận thức, làm chủ hành vi dẫn đến gây ra thiệt hại, nhưng vẫn thực hiện và mong muốn hoặc không mong muốn nhưng để mặc cho hậu quả xảy ra. Hành vi cố ý có thể được biểu hiện qua việc lừa dối, đe dọa, cưỡng ép... khiến cho người bị tác động hoàn toàn không nhận biết được mình đang đưa chất kích thích vào cơ thể hoặc nhận biết được nhưng vẫn buộc phải dùng. Còn người trực tiếp dùng chất kích thích trong trường hợp này được xác định là không lỗi đối với thiệt hại xảy ra nên không phải chịu TNBTTH theo khoản 2 Điều 596 BLDS năm 2015.

3. Một số hạn chế trong quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người dùng chất kích thích gây ra và kiến nghị hoàn thiện

3.1. Một số hạn chế

Thứ nhất, pháp luật dân sự Việt Nam hiện nay chưa đưa ra quy định về chất kích thích. Mặc dù ghi nhận TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra nhưng BLDS năm 2015 hay các BLDS trước đây chưa từng đưa ra khái niệm tổng quát trong khoa học pháp lý về chất kích thích, cũng như chưa phân loại hay liệt kê cụ thể những chất nào được xem là chất kích thích trong phạm vi áp dụng của quy định này. Từ đó dẫn đến thực tế là khi xác định một chất cụ thể có được coi là chất kích thích hay không vẫn còn phụ thuộc vào đánh giá chủ quan của cơ quan có thẩm quyền hoặc phải tham chiếu đến các văn bản pháp luật khác ngoài BLDS như Bộ luật Hình sự; Luật Phòng, chống ma túy; Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia... Ngoài ra, trong bối cảnh xã hội ngày nay, rất nhiều chất hoá học mới được điều chế bởi chính các chủ thể trong xã hội hoặc “du nhập” từ nước ngoài mang được tính phức tạp và cũng tác động lên hệ thần kinh trung ương, nhưng lại chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng để xác định đó có phải là chất kích thích. Điều này gây khó khăn trong việc xác định có hay không việc đưa chất kích thích vào cơ thể dẫn đến mất khả năng nhận thức và làm chủ hành vi rồi gây thiệt hại, hay nói cách khác là khó khăn trong việc xác định điều kiện làm phát sinh TNBTTH.

Thứ hai, pháp luật dân sự Việt Nam hiện nay chưa có quy định về việc nếu một người vô ý dùng rượu hoặc chất kích thích khác làm cho người khác lâm vào tình trạng mất khả năng nhận thức và làm chủ hành vi, từ đó gây thiệt hại cho người thứ ba thì có phải chịu trách nhiệm bồi thường hay không. Tại khoản 2 Điều 596

BLDS năm 2015 mới quy định duy nhất trường hợp cố ý làm cho người khác dùng rượu hoặc chất kích thích khác dẫn đến gây thiệt hại do mất khả năng nhận thức, làm chủ hành vi, mà chưa đề cập đến trường hợp vô ý. Như vậy, nếu theo cách hiểu thông thường thì cá nhân vô ý làm cho người khác đưa chất kích thích vào cơ thể rồi lâm vào tình trạng mất khả năng nhận thức, làm chủ hành vi sẽ không phải chịu TNBTTH theo khoản 2 Điều 596 BLDS năm 2015. *“Còn đối với người gây thiệt hại, bản thân họ không có nhận thức tại thời điểm gây thiệt hại, đồng thời, họ không có lỗi trong việc sử dụng chất kích thích dẫn đến mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, nên nếu buộc họ phải bồi thường cũng không phù hợp”*[30]. Tuy nhiên, nếu không có chủ thể nào chịu trách nhiệm bồi thường thì quyền và lợi ích hợp pháp của bên bị thiệt hại sẽ không được bảo đảm. Điều này phần nào làm mất đi ý nghĩa, mục đích của quy định về TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra, vốn là nhằm bù đắp những tổn thất mà người bị thiệt hại phải gánh chịu. Đây là một khoảng trống pháp lý cần được nghiên cứu và hoàn thiện trong thời gian tới nhằm bảo đảm sự công bằng và hài hòa về lợi ích giữa các bên trong quan hệ dân sự.

3.2. Kiến nghị hoàn thiện

Thứ nhất, kiến nghị bổ sung quy định pháp luật về khái niệm chất kích thích tại Điều 596 BLDS năm 2015 hoặc các văn bản hướng dẫn có liên quan. Cụ thể, tác giả đề xuất bổ sung thêm một khoản mới tại Điều 596 BLDS năm 2015 với nội dung quy định khái niệm pháp lý mang tính bao quát về chất kích thích như sau: *“Chất kích thích là những chất có khả năng tác động đến hệ thần kinh trung ương, làm thay đổi tạm thời trạng thái tâm thần hoặc hành vi của con người theo hướng trở nên hưng phấn và có nguy cơ gây nghiện”*. Đồng thời, các cơ quan chuyên môn cần có sự phối hợp, tham khảo thêm các khái niệm, kiến thức khoa học kết hợp với quy định pháp luật chuyên ngành để bổ sung vào văn bản hướng dẫn những tiêu chí nhận diện chất kích thích cụ thể hoặc tổng hợp danh mục các chất kích thích, nhằm tạo thuận lợi cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, giúp việc áp dụng pháp luật được thống nhất.

Thứ hai, kiến nghị bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 596 BLDS năm 2015 liên quan đến trường hợp một người vô ý dùng rượu hoặc chất kích thích khác làm cho người khác lâm vào tình trạng mất khả năng nhận thức và làm chủ hành vi rồi gây thiệt hại. Theo tác giả, trong trường hợp một người vì sự bất cẩn, nhầm lẫn hoặc bất kỳ lý do nào mà vô ý làm cho người khác dùng chất kích thích dẫn đến mất khả năng nhận thức và làm chủ hành vi rồi gây thiệt hại thì phải chịu TNBTTH đối với người bị thiệt hại. Mặc dù người vô ý làm cho người khác dùng chất kích thích không phải là người trực tiếp gây ra thiệt hại nhưng do hành vi vô ý của họ mà thiệt hại mới xảy ra. Hay nói cách khác, nếu không có hành vi vô ý làm cho người khác dùng chất kích thích thì sẽ không bao giờ dẫn đến thiệt hại thực tế, tức là không có đủ điều kiện làm phát sinh TNBTTH. Do đó, cần xác định người có hành vi vô ý làm cho người khác dùng chất kích thích đã có lỗi vô ý và phải chịu trách nhiệm bồi thường đối với bên bị thiệt hại.

Lỗi vô ý lúc này thể hiện qua hai trường hợp:

- Trường hợp thứ nhất, nếu người đó không biết chất mà mình làm cho người khác đưa vào cơ thể là chất kích thích thì họ phải chịu TNBTTH, bởi trước khi thực

hiện hành vi của mình, họ không thấy trước được thiệt hại có thể xảy ra mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước. Ví dụ: A là bác sĩ điều trị cho B. Trong quá trình điều trị, đáng lẽ phải tiêm thuốc giảm đau theo đúng phác đồ điều trị nhưng A đã tiêm nhầm cho B một loại thuốc có chứa hoạt chất kích thích thần kinh trung ương, dẫn đến tình trạng B bị mất khả năng nhận thức và làm chủ hành vi rồi gây thiệt hại.

- Trường hợp thứ hai, nếu họ biết rõ đó là chất kích thích nhưng vẫn vô ý để cho người khác đưa vào cơ thể thì việc họ phải chịu TNBTTH càng rõ ràng hơn, bởi trước khi thực hiện hành vi tác động làm cho người khác dùng chất kích thích, họ hoàn toàn có thể thấy trước được thiệt hại có thể xảy ra nhưng do chủ quan nên cho rằng thiệt hại không xảy ra hoặc có thể ngăn chặn được. Ví dụ: A là bác sĩ điều trị cho B. Trước đây trong quá trình điều trị cho các bệnh nhân khác, A được biết việc tiêm loại thuốc X có chứa chất kích thích cho bệnh nhân tuy có tác dụng giảm đau tốt nhưng thường xảy ra tác dụng phụ là bệnh nhân bị kích động, mất khả năng nhận thức và làm chủ hành vi. Mặc dù vậy, A vẫn tiêm loại thuốc X nêu trên cho B vì nghĩ rằng có thể kiểm soát được tác dụng phụ. Sau khi tiêm thuốc, B xảy ra tình trạng giống như các bệnh nhân trước đây là bị kích động, mất khả năng nhận thức và làm chủ hành vi dẫn đến gây thiệt hại.

Từ những phân tích trên, tác giả kiến nghị sửa đổi khoản 2 Điều 596 BLDS năm 2015 như sau: *“Khi một người dùng rượu hoặc chất kích thích khác làm cho người khác lâm vào tình trạng mất khả năng nhận thức và làm chủ hành vi mà gây thiệt hại thì phải bồi thường cho người bị thiệt hại”*.

4. Kết luận

TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra là một chế định có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm công bằng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong xã hội. Quy định về điều kiện phát sinh TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra đã tạo hành lang pháp lý cho việc áp dụng trong thực tiễn. Tuy nhiên, các quy định hiện hành vẫn bộc lộ một số hạn chế nhất định, như chưa có quy định về chất kích thích hay chưa có quy định về trường hợp vô ý dùng chất kích thích làm cho người khác lâm vào tình trạng mất khả năng nhận thức, làm chủ hành vi. Những hạn chế này làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong xã hội cũng như gây khó khăn trong việc áp dụng pháp luật trên thực tiễn. Từ thực trạng nêu trên, để góp phần hoàn thiện cơ chế pháp lý cũng như nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra, tác giả đã đề xuất một số kiến nghị, giải pháp cụ thể giúp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật, góp phần bảo đảm sự công bằng, minh bạch và tính răn đe trong các quan hệ dân sự phát sinh từ hành vi của người dùng chất kích thích./.

[1] Hoàng Thế Liên (Chủ biên), *Bình luận khoa học BLDS năm 2005*, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2023, tr. 712.

[2] Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển Tiếng Việt (Hoàng Phê chủ biên)*, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội, năm 2023, tr. 943.

[3] Nguyễn Xuân Quang, Lê Nét, Nguyễn Hồ Bích Hằng, *Luật Dân sự Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2007, tr. 472.

- [4] Đoàn Thị Phương Diệp, Nguyễn Ngọc Điện, Lê Nguyễn Gia Thiện, *Giáo trình Luật Dân sự (tập 2) - Nghĩa vụ*, Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2015, tr. 67.
- [5] Phùng Trung Tập, *Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản, sức khỏe và tính mạng*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, năm 2009, tr. 38.
- [6] Đỗ Văn Đại, *Luật Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng Việt Nam (Bản án và Bình luận bản án)*, tập 1, Nxb. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội, năm 2016, tr. 74.
- [7] Trần Trang Anh, *Bồi thường thiệt hại do người của pháp nhân gây ra theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Hà Nội, năm 2020, tr. 37.
- [8] Phạm Kim Anh, *Về quy định BTTH do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm trong BLDS Việt Nam và hướng hoàn thiện*, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 3, năm 2001.
- [9] Đoàn Thị Phương Diệp và Châu Thanh Quyền, *BTTH về tinh thần do tính mạng bị xâm phạm và một số vấn đề pháp lý đặt ra*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 4, năm 2021, tr. 8.
- [10] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, năm 2018, tr. 308.
- [11] Nguyễn Tấn Hoàng Hải, *Chứng minh tổn thất về tinh thần khi tài sản bị xâm phạm theo pháp luật Hoa Kỳ - Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 5, năm 2018, tr. 37.
- [12] Phạm Việt Nghĩa, *Về năng lực trách nhiệm hình sự trong trường hợp phạm tội do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác*, Tạp chí Kiểm sát, số 18, năm 2023, tr. 31.
- [13] Trịnh Tuấn Anh, *Bàn về căn cứ phát sinh TNBTTH ngoài hợp đồng theo BLDS năm 2015*, Tạp chí Kiểm sát, số 19, năm 2016, tr. 35, 36.
- [14] Nguyễn Minh Tuấn (Chủ biên), *Bình luận khoa học BLDS của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, năm 2016, tr. 819.
- [15] Phùng Trung Tập, *Yếu tố lỗi trong trách nhiệm liên đới BTTH ngoài hợp đồng*, Tạp chí Luật học, số 5, năm 1997, tr. 26.
- [16] Đinh Văn Quế, *TNBTTH do hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 10, năm 2004, tr. 14.
- [17] Trịnh Thị Thanh Thảo, *Nguyên tắc BTTH ngoài hợp đồng – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Hà Nội, năm 2018, tr. 16.
- [18] Khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021.
- [19] Khoản 2 Điều 2 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021.
- [20] Khoản 3 Điều 2 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021.
- [21] Khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019.
- [22] Khoản 2 Điều 2 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019.
- [23] Khoản 3 Điều 2 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019.
- [24] Bộ Y tế - Bệnh viện tâm thần trung ương, *Tâm thần học*, Nxb. Y học, Hà Nội, năm 1980, tr. 54.

- [25] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Nhận thức và thực hiện pháp luật về phòng chống tác hại của thuốc lá (qua khảo sát sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội)*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, Hà Nội, năm 2019, tr. 36.
- [26] Nguyễn Văn Hối, *Một số vấn đề về BTTH do xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh*, Tạp chí Khoa học kiểm sát, số 01, năm 2020, tr. 64.
- [27] Đỗ Đức Thiện, *Yếu tố lỗi trong TNBTTH ngoài hợp đồng theo BLDS năm 2015*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Hà Nội, năm 2023, tr. 34.
- [28] Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Dân sự*, tập 2, Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, tr. 288.
- [29] Trường Đại học Luật Hà Nội, *BLDS Đức - Chế định nghĩa vụ*, Nxb. Lao động, Hà Nội, năm 2014, tr. 677.
- [30] Trần Thăng Long, Lê Ngọc Ngân Linh, *TNBTTH do người dùng chất kích thích gây ra*, Tạp chí Kiểm sát, số 20, năm 2022, tr. 29.